

KỊCH LỊCH SỬ Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY CHỦ ĐỀ VÀ ĐẶC ĐIỂM XÂY DỰNG NHÂN VẬT

TRẦN THỊ THU*

Trong bài viết này, chúng tôi đề cập đến kịch lịch sử với một số vấn đề như: khuynh hướng khai thác chủ đề lịch sử; mối quan hệ giữa hư cấu nghệ thuật và tính chân thực; tính hiện đại... mà các kịch gia đã thể hiện. Từ đó, những quan điểm, diễn ngôn về lịch sử và đời sống đương thời sẽ được thể hiện thông qua hướng tiếp cận các chất liệu lịch sử trong sáng tác cũng như cảm thụ về kịch lịch sử.

Từ khóa: chủ đề, kịch lịch sử Việt Nam, hư cấu nghệ thuật, tính chân thật

Nhận bài ngày: 10/10/2018; đưa vào biên tập: 11/10/2018; phản biện: 15/10/2018; duyệt đăng: 25/10/2018

1. GIỚI THIỆU

So với bề dày lịch sử của đất nước trải qua nhiều cuộc chiến tranh, nhiều triều đại phong kiến hưng thịnh rồi lụi tàn, thì đến nay số lượng kịch khai thác đề tài lịch sử nói chung và kịch thoại nói riêng vẫn còn là một con số khiêm tốn. Tuy nhiên, không thể phủ nhận, có những giai đoạn, kịch lịch sử trở thành một khuynh hướng sáng tác để lại nhiều thành tựu to lớn, nhiều đỉnh cao nghệ thuật... Đặc biệt, giai đoạn sau Cách mạng tháng Tám cho đến nay, kịch viết về đề tài lịch sử đã trở thành một trong những mảng sáng tác được quan tâm nhiều nhất trong các diễn đàn văn học. Điều này không có nghĩa đến giai đoạn này, đề tài lịch sử mới được chú ý, mà trong giai

đoạn trước đó, kịch lịch sử nói riêng và kịch thoại nói chung vẫn trong quá trình hiện đại hóa và hoàn thiện phương thức sáng tác, nhưng chưa có nhiều thành tựu. Từ sau Cách mạng tháng Tám, kịch nói mới thực sự khẳng định được vai trò trên diễn đàn văn học với sự đa dạng về số lượng tác giả, tác phẩm cũng như chất lượng tác phẩm. Trong đó, khuynh hướng khai thác chủ đề lịch sử là một yếu tố đầu tiên quyết định đến những đặc điểm của kịch ở mảng sáng tác này.

2. KHUYNH HƯỚNG KHAI THÁC CHỦ ĐỀ LỊCH SỬ

Sau dấu mốc đầu tiên, đánh dấu sự ra đời với vở kịch nói *Chén thuốc độc* của Vũ Đình Long, kịch Việt Nam trong những năm đầu thế kỷ chủ yếu đi sâu vào mảng đề tài xã hội với nhiều tác phẩm tiêu biểu. Thời kỳ này,

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

kịch nói tập trung chủ yếu vào những vấn đề đạo đức con người, đặc biệt là sự suy thoái đạo đức đang diễn ra trong xã hội chịu nhiều ảnh hưởng của văn hóa phương Tây. Cho đến năm 1930, kịch lịch sử bắt đầu được chú ý với sự ra đời của hàng loạt các vở kịch lấy những câu chuyện cũ trong lịch sử để làm bài học cho hiện tại. Ở giai đoạn này, xu hướng phát triển của kịch về đề tài lịch sử được nhận định là hướng theo hai mảng chủ đề khác biệt: “một mảng viết về lịch sử Trung Quốc và một mảng khác viết về lịch sử dân tộc. Những vở kịch thơ viết về Trung Quốc nội dung thường không mới. Và trong cuộc tao ngộ giữa kịch và thơ này, chất thơ có phần lấn lướt. Có lẽ các nhà thơ say mê chất lãng mạn, chất bi tráng, chất anh hùng trong những trang sử thâm cung của một quốc gia phong kiến lâu đời nên đã đưa những đáng anh hùng, những trang tuyệt sắc Trung Hoa vào trong tác phẩm của mình. Có hai chủ đề lớn được khai thác là chuyện tình của các bậc đế vương với những mỹ nhân khuynh quốc khuynh thành (*Dương Quý Phi* - Thế Lữ và *Vi Huyền Đắc*, *Tiếng địch sông Ô* - Huy Thông) và câu chuyện của những đại thích khách “kẻ sĩ chết vì người tri kỷ” (*Kinh Kha* - Huy Thông, *Yên Ly* - Lưu Quang Thuận)” (Lý Hoàn Thực Trâm, 2009). Có một điều đáng chú ý, từ 1932 đến 1945, nếu như phần kịch nói hầu hết chủ yếu tập trung vào mảng đề tài đạo đức, xã hội thì kịch thơ lại tập trung khai thác đề tài lịch sử, thậm

chí chiếm 78% các vở kịch thơ (Phan Cự Đệ, 2004: 563). Kịch nói giai đoạn này vẫn tập trung vào đề tài phản ánh các vấn đề xã hội nhưng không bó hẹp trong phạm vi gia đình như trong các tác phẩm kịch *Chén thuốc độc* hay *Tòa án lương tâm* mà đã mở rộng ra về những tuyến nhân vật cũng như những mâu thuẫn xã hội được đẩy mạnh. Đề tài lịch sử chỉ được khai thác ở số ít các tác phẩm tiêu biểu của kịch nói như *Cột đồng Mã Viện*, *Vũ Như Tô* của Nguyễn Huy Tưởng. Hầu hết các tác phẩm còn lại đều tập trung vào việc khai thác lịch sử xa xưa, miêu tả lịch sử trong một không khí lãng mạn. Một số tác giả khai thác những tấm gương yêu nước trong lịch sử, như: *Hoàng Hoa Thám* của Trần Phụng Lưu, *Quán Thăng Long* của Lưu Quang Thuận, *Lam Sơn hợp mặt* của Nguyễn Xuân Trâm, đề cao tinh thần anh hùng nghĩa hiệp và đầy chất hồi tưởng.

Sau Cách mạng tháng Tám, sân khấu mới thực sự mang ý nghĩa của một thể loại nghệ thuật có tính chất quần chúng. Trong thời kỳ này, đề tài lịch sử được khai thác phong phú hơn bao giờ hết và được phân hóa thành hai chủ đề chính: lịch sử chiến tranh cách mạng và lịch sử phong kiến. Trong vòng ba mươi năm kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, mảng đề tài về lịch sử chiến tranh cách mạng với những nhân vật, sự kiện trong hai cuộc kháng chiến gần như chiếm trọn ưu thế. Sau khi đất nước giải phóng, nhất là sau năm 1986 (Đại

hội lần thứ VI của Đảng), xu hướng khai thác đề tài lịch sử phong kiến xa xưa trở lại mạnh mẽ, tuy nhiên, khác với giai đoạn trước đó, xu hướng tiếp cận lịch sử phong kiến, đặc biệt là phương thức xây dựng nhân vật trong các tác phẩm kịch giai đoạn này lại mang một diện mạo mới, đa chiều hơn.

2.1. Khai thác đề tài lịch sử phong kiến

Kịch viết về đề tài lịch sử sau năm 1945 không chỉ đề cập đến chủ đề chiến tranh cách mạng và Bác Hồ, mà các tác phẩm giai đoạn sau này còn đi sâu khai thác những sự kiện, những nhân vật có thật trong lịch sử phong kiến với các cách nhìn nhận, đánh giá khác nhau; trở thành xu hướng chủ đạo của kịch viết về đề tài lịch sử sau năm 1975, nhất là sau năm 1986 cho đến nay. Hàng loạt những nhân vật lịch sử đã được tái hiện dưới ngòi bút của các tác gia kịch bản, như Nguyễn Trãi, Lý Chiêu Hoàng, Ngọc Hân công chúa, Đề Thám, Phan Đình Phùng... Đặc biệt, những nhân vật lịch sử mang nhiều tranh cãi thường được các nhà viết kịch chú ý, nhìn nhận và đánh giá lại trong các tác phẩm của mình. Nhiều tác phẩm viết về cùng một nhân vật như Trần Thủ Độ, Dương Vân Nga hay Phan Thanh Giản... đều thành công và được đánh giá cao về hướng tiếp cận lịch sử với một tư duy mới. Các vở kịch viết về thời kỳ phong kiến thường có xu hướng khai thác đề tài từ những sự kiện trong chính sử cũng

như trong dã sử để đưa vào tác phẩm của mình.

Cuộc chuyển giao thế lực giữa nhà Lý và nhà Trần là một trong những đề tài tồn không ít giấy mực của các nhà viết kịch lịch sử bởi tính chất đặc biệt của sự kiện này. Bản thân câu chuyện lịch sử đó đã đặt ra rất nhiều vấn đề về thể thái nhân tình, về quyền lực và tình yêu, về quốc gia đại sự và hạnh phúc cá nhân...; vì vậy đã trở thành mảnh đất màu mỡ để các nhà viết kịch thỏa sức thể hiện tư tưởng và khả năng sáng tạo của mình. Những tác phẩm tiêu biểu nhất có thể kể đến như *Rừng trúc* của Nguyễn Đình Thi, *Độc thoại đêm* của Lê Duy Hạnh, *Cột trụ chống trời* của Nguyễn Anh Biên, *Mệnh đế vương* của Hùng Tấn. Cùng chung chủ đề này, sự kiện chuyển giao giữa nhà Đinh và nhà Lê trong lịch sử cũng được phản ánh trong kịch *Hoàng hậu của hai vua* của Lê Duy Hạnh.

Nói đến kịch lịch sử, cách khai thác các chủ đề lịch sử cũng là cách nhìn của nhà văn đối với vấn đề mà họ sẽ phản ánh trong tác phẩm của mình. Để nắm được bản chất của lịch sử hay một phần bản chất của những sự kiện, của những con người lịch sử, mỗi nhà văn có một con đường riêng. Chính điều này giúp ta phân biệt được tư tưởng độc đáo của mỗi tác gia kịch bản. Ở đây, các nhà viết kịch đã đứng trong tâm thế của con người hiện tại để tiếp cận với lịch sử và cách tiếp cận của họ không dừng lại ở việc nhìn nhận đúng hay sai, tốt hay không tốt, mà họ đã đưa ra những cái

nhìn mang tính đối thoại và nhiều chiều đối với những vấn đề tưởng chừng như đã được đóng khung trong sử sách.

2.2. Khai thác chủ đề lịch sử chiến tranh cách mạng

Mở đầu cho khuynh hướng khai thác chủ đề lịch sử này, có thể kể đến vở kịch *Bắc Sơn* của Nguyễn Huy Tưởng. *Bắc Sơn* đã phản ánh một cách chân thực và quy mô của phong trào khởi nghĩa Bắc Sơn - cuộc đấu tranh cách mạng của quần chúng vùng lên quật khởi chống lại bọn thực dân xâm lược. *Bắc Sơn* có sức cuốn hút công chúng bởi lẽ tác phẩm đã xây dựng được hình ảnh chân thực về người chiến sĩ cách mạng trong những ngày sục sôi của khởi nghĩa. Qua vở kịch người xem hiểu được ý nghĩa cũng như sức ảnh hưởng to lớn của cuộc cách mạng đối với lý tưởng sống của những người nông dân yêu nước. Vở kịch thành công cũng là bước ngoặt lớn cho sân khấu về đề tài cách mạng. Cảm hứng lịch sử cùng với không khí sôi nổi của cuộc đấu tranh đã tạo nên một vở kịch với khung cảnh lịch sử rất hào hùng nhưng cũng đầy lãng mạn. *Bắc Sơn* đã dựng lại cả một cuộc khởi nghĩa với quy mô đồ sộ một cách chân thực nhất. Vở kịch như một minh chứng rất rõ ràng đề tài lịch sử đã thực sự được khai thác thành công trong thể loại vốn từ trước đó chỉ dừng lại ở những chủ đề xã hội, bó hẹp trong những bức tường của gia đình, của luân lý đạo đức đời thường.

Từ thành công của vở *Bắc Sơn*, các tác phẩm lấy chủ đề là lịch sử cách mạng tiếp nối nhau ra đời. Những tác phẩm này mở rộng cảm hứng để phản ánh những sự kiện lớn lao của dân tộc: Hà Nội trong khói lửa chiến tranh, những chiến dịch lớn với thắng lợi về vang của quân đội ta, công cuộc cải cách ruộng đất và công cuộc xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa... Vở kịch *Những người ở lại* của Nguyễn Huy Tưởng, *Tin chiến thắng Nghĩa Lộ* của Thế Lữ... là những vở kịch lấy đề tài về cuộc kháng chiến chống Pháp. *Những người ở lại* của Nguyễn Huy Tưởng lấy bối cảnh một gia đình trí thức, mà tiêu biểu là bác sĩ Thanh. Vở kịch đã khắc họa rất thành công quá trình chuyển biến tư tưởng của một người trí thức, bác sĩ Thanh, từ những băn khoăn, e ngại ban đầu về cách mạng đến khi thực sự hiểu và sẵn sàng đi theo cách mạng. Bên cạnh câu chuyện của một người trí thức, một gia đình trí thức đại diện phần nào cho tầng lớp trí thức lúc bấy giờ, vở kịch còn là câu chuyện của những lớp thanh niên sôi nổi và yêu nước... và rộng hơn nữa là đề tài về cuộc chiến đấu của những con người liên khu I (đông bắc Hà Nội, thuộc quận Hoàn Kiếm ngày nay).

Bước vào những năm kháng chiến chống đế quốc Mỹ, đề tài về cuộc kháng chiến của nhân dân tiếp tục trở thành cảm hứng cho các nhà soạn kịch đã thành danh ở giai đoạn trước, tiếp tục viết nên những tác phẩm thành công, như *Tổ quốc* của Đào Hồng Cẩm và Xuân Đức, *Cách mạng*

của Nguyễn Khải. “Đào Hồng Cẩm đã chọn được một thực thể điển hình, một mảnh đất tiền tiêu nóng bỏng những thử thách của cuộc chiến đấu. Những người con Vĩnh Linh kiên cường luôn bám trụ trong suốt cuộc kháng chiến, vượt qua muôn vàn thử thách, đảm nhiệm trách nhiệm mà Đảng và nhân dân cả nước giao phó” (Phan Cự Đệ - Hà Minh Đức, 1979: 205).

Chủ đề chiến tranh cách mạng còn được khai thác bằng những vở kịch viết về những tấm gương anh hùng, họ là những tấm gương có thật, là những điển hình được ca ngợi trong cuộc kháng chiến vĩ đại. Những tác phẩm khai thác đề tài này, như: *Anh Trối* của Lưu Trọng Lư, Đình Quang, Vũ Khiêu hay *Anh còn sống mãi* của Phạm Mai, *Bước theo anh* của Đào Hồng Cẩm, Vũ Minh, Nguyễn Vượng. Tất cả những tác phẩm này đều viết về người anh hùng Nguyễn Văn Trỗi với nhiều góc độ khai thác khác nhau. Có vở xây dựng cuộc đời của người anh hùng với góc nhìn thi vị hóa, có vở xây dựng hình ảnh nhân vật trung tâm trong những mối quan hệ với đồng đội, với gia đình và với kẻ thù.

Cũng trong thời kỳ này, chúng ta không thể không nhắc đến mảng đề tài viết về Bác Hồ. Những tác phẩm viết về Người, vị anh hùng giải phóng dân tộc với mục đích ngợi ca và đưa đến cho người xem những hình ảnh đẹp nhất của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tác phẩm *Người công dân số một* của Vũ Đình Phòng và Hà Văn Cầu, tác phẩm *Đêm trắng* của Lưu Quang Hà

là hai trong số những tác phẩm tiêu biểu viết về đề tài này. Mỗi vở kịch có một lối tiếp cận khác nhau về chân dung của Hồ Chí Minh trong mỗi thời kỳ khác nhau, từ lúc Người ra đi tìm đường cứu nước trên con tàu viễn dương ở Bến cảng Nhà Rồng cho đến chân dung một vị Chủ tịch vĩ đại gần dân và hết lòng vì nhân dân.

Như vậy, với hai khuynh hướng khai thác chủ đề lịch sử như chúng tôi đã trình bày ở trên, kịch lịch sử đã được viết ở nhiều góc độ khác nhau và mang trong mình những đặc điểm riêng biệt. Chủ đề chính của tác phẩm cũng chi phối đặc điểm xây dựng sự kiện, nhân vật cũng như xung đột kịch. Trong đó, xây dựng nhân vật được coi là một trong những yếu tố quan trọng nhất khi nói về đặc điểm của văn học kịch.

3. ĐẶC ĐIỂM XÂY DỰNG NHÂN VẬT

3.1. Xây dựng nhân vật điển hình, nhất quán trong các tác phẩm theo chủ đề chiến tranh cách mạng

Trong những tác phẩm lấy chủ đề về chiến tranh cách mạng, hầu hết các tác giả lựa chọn phương thức xây dựng nhân vật theo nguyên tắc tái hiện nhân vật trong chính sử. Những nhân vật như Hồ Chí Minh, những chiến sĩ, những người dân quân, nông dân... thường được nhắc đến với xu hướng ngợi ca. Viết về Bác Hồ, các tác giả đều tiếp cận nhân vật bằng cái nhìn ngưỡng mộ và kính trọng một con người với nhân cách lớn, vị cha già của dân tộc. Trong *Người công dân số một* của Vũ Đình Phòng và Hà

Văn Cầu, hình ảnh Bác Hồ được khắc họa suốt chặng đường làm cách mạng từ thời trẻ khi Bác còn là chàng thanh niên Nguyễn Tất Thành mang trong mình hoài bão lớn là tìm đường cứu nước cho đến khi trở thành vị Chủ tịch nước gần gũi, thương dân. Trái ngược với suy nghĩ của nhân vật anh Lê, anh Thành (tên Bác Hồ thời trẻ) là một người luôn trăn trở với nỗi đau nước mất nhà tan. Anh Lê có tâm lý tự ti, cam chịu cảnh sống nô lệ, vì cảm thấy mình yếu đuối, nhỏ bé và không đủ sức mạnh để chiến thắng kẻ thù xâm lược. Trái lại, anh Thành không cam chịu, rất tin tưởng vào con đường mình đã chọn, anh quyết tâm ra nước ngoài học cái mới để về cứu dân, cứu nước. Anh cho rằng, để giành lại non sông, chỉ có hùng tâm tráng khí chưa đủ, phải có trí; anh quyết định ra nước ngoài học cái hay, cái tốt của họ để cứu dân mình. Qua cuộc đối thoại giữa anh Lê và anh Thành ta thấy hiện thân một tâm trạng trăn trở, một trái tim luôn nghĩ về dân, về nước, mong tìm con đường đưa đất nước thoát khỏi ách nô lệ của thực dân, đem lại cuộc sống ấm no hạnh phúc cho dân tộc của anh thanh niên Thành. Vở diễn đưa người xem theo chân Bác đi từ Bến cảng Nhà Rồng sang Paris tìm đường cứu nước; qua Liên Xô, đến Trung Quốc, xây dựng lực lượng, xúc tiến thành lập Đảng Cộng sản; rồi trở về Tổ quốc, lãnh đạo nhân dân giành độc lập, tự chủ... Đó là một chặng đường dài không chỉ của cuộc đời một con người mà còn là chặng đường trường kỳ

trong cuộc đấu tranh cách mạng giải phóng dân tộc mà nhân vật Bác Hồ đã dành trọn tâm huyết cả cuộc đời để theo đuổi. Bác Hồ trong vở *Những khoảnh khắc Hồ Chí Minh* lại được khai thác theo chiều hướng thông qua năm khoảnh khắc rất đời thường trong cuộc đời của Người để đi đến một cái nhìn khái quát về nhân cách, trí tuệ, lòng bao dung và sự linh hoạt trong xử lý các mối quan hệ khác nhau. Và ở bất cứ mối quan hệ nào, tính nhất quán của vị lãnh tụ này cũng đều được bộc lộ khá sâu sắc.

Đối với những tác giả viết về chủ đề chiến tranh cách mạng, các nhân vật trung tâm chính là những con người đã chiến đấu hy sinh vì tổ quốc, là những người anh hùng, là lãnh tụ vĩ đại của dân tộc nên hầu như các nhân vật trong các tác phẩm này đều được xây dựng dựa trên hình mẫu lý tưởng với những tình huống điển hình. Những nhân vật trong vở kịch *Bắc Sơn*, hay *Những người ở lại* đều là những nhân vật điển hình cho lòng dũng cảm và sự hy sinh. Một bà cụ Phương, một cô Thơm, cả Thái và cả Cửu trong *Bắc Sơn* đều hiện thân là những con người nhất quán trong tư tưởng và hành động. Họ thể hiện rõ lòng yêu nước, căm thù giặc. Thậm chí ngay cả Thơm cũng dám nói đối chồng để cứu hai cán bộ cách mạng, bất chấp nguy hiểm. Đó còn là sự chuyển biến về tư tưởng của bác sĩ Thanh và niềm tin yêu vào đất nước, vào sức mạnh của tuổi trẻ trong các nhân vật của *Những người ở lại*...

Với phương thức xây dựng các nhân vật nhất quán, điển hình, các kịch gia đã gửi gắm những thông điệp về niềm tin, về sức mạnh của dân tộc để có thể truyền lửa chiến đấu, tiếp thêm sức mạnh tinh thần cho đồng bào cả nước trong hoàn cảnh chiến tranh lúc bấy giờ. Đó cũng chính là mục đích sáng tác cũng như giá trị của những tác phẩm kịch nói thời kỳ này.

3.2. Xây dựng nhân vật mang tính đối thoại trong các tác phẩm theo chủ đề lịch sử phong kiến

Nếu như ở những tác phẩm viết về chủ đề chiến tranh, cách mạng, các nhân vật thường được khai thác ở sự nhất quán và điển hình thì ở các tác phẩm lấy chủ đề và bối cảnh trong thời đại phong kiến, các nhân vật được xây dựng bằng điểm nhìn đa chiều và mang tính đối thoại trong chính tính cách, hành động và suy nghĩ. Đoàn Minh Tuấn nhận xét: “Lịch sử cũng như nhân vật lịch sử có hai mặt. Một mặt, thuộc về các nhà nghiên cứu nhân vật lịch sử thuần túy, mặt kia, là của các nghệ sĩ hư cấu sáng tạo trên cơ sở nhân vật lịch sử này. Việc hư cấu về nhân vật lịch sử ở từng thời điểm xã hội có cách nhìn nhận, đánh giá khác nhau. Tư tưởng sáng tạo cần đáp ứng được yêu cầu thị hiếu của công chúng thời họ đang sống. Nhân vật lịch sử không phải bất biến mà là sinh động, sống trong nhiều góc độ khác nhau và sáng tạo vô hạn” (Việt Quỳnh, 2018). Nguyễn Đình Thi xây dựng nhân vật Trần Thủ Độ (*Rừng trúc*) từ nhiều khía cạnh

khác nhau trong một con người. Một mặt là hình ảnh một Trần Thủ Độ túc trí đa mưu quyết làm mọi việc không nhân nhượng để đạt được nghiệp lớn; một mặt là Trần Thủ Độ công tư phân minh, cùng nhiều suy nghĩ trăn trở trước việc nước và việc người. Nhưng Nguyễn Đình Thi không đi sâu khai thác nhân vật Thủ Độ với sự nghiệp hiển hách và những tính toán quyền lực, mà là Thủ Độ với nhiều chi tiết nhỏ hơn và đời thường hơn. Đó là một Thủ Độ công tư phân minh, trước thái độ của đám quân hiệu cản đường vợ mình, ông không những không trách phạt mà còn tha chết và ban thưởng bởi họ đã làm đúng phép nước. Nhà nghiên cứu Phan Trọng Thường có cái nhìn thấu đáo khi phân tích về nhân vật này trong *Rừng Trúc* để thấy rõ tính đối thoại trong hình tượng nhân vật mà Nguyễn Đình Thi xây dựng. Ông cho rằng: “... Trần Thủ Độ là một nhân vật đặc biệt. Nếu như với triều Lý, ông bị coi là kẻ thoán nghịch, thì với triều Trần, ông lại được coi là một bậc khai quốc công thần... Với bàn tay sắp đặt của ông, địa vị của vương triều nhà Trần và chủ quyền của xã tắc được củng cố, quốc gia hưng thịnh. Nhưng về đạo đức, thế sự ông lại gây lăm điều thị phi, để lại không ít tai tiếng trong lịch sử. Dường như những lo toan, cất đặt, những quyết đoán của ông đều xuất phát từ lợi ích của vương triều và quốc gia. Ông sẵn sàng làm mọi việc, miễn sao đạt được mục đích mà mình theo đuổi. Đương nhiên, những cơ mưu chính trị mà ông áp

dụng đều có tác dụng hai mặt. Mặt tích cực là củng cố quyền lực của vương triều, xã tắc thì cả vua tôi và thần dân trong nước đều được hưởng. Nhưng mặt tiêu cực là những điều tiếng dị nghị thì ông lại là người hứng chịu, thậm chí còn phải trả giá" (Nhiều tác giả, 2000: 326).

Trong tác phẩm *Bí mật vườn Lệ Chi* của Hoàng Hữu Đản, nhân vật Nguyễn Thị Anh được nhà văn khắc họa bằng nhiều chi tiết thể hiện sự phức tạp trong con người của nhân vật vốn được xem là phản diện trong các ghi chép của lịch sử. Hoàng Hữu Đản nhiều lần để nhân vật tự thể hiện nội tâm của mình qua những màn độc thoại dài. Ở đó, tâm địa của một người phụ nữ tham quyền lực, tìm đủ mọi cách để đưa con trai của mình lên ngôi được thể hiện qua nhiều cung bậc cảm xúc. Mặc dù có những âm mưu và hành động quyết liệt, độc ác nhưng hơn ai hết, Nguyễn Thị Anh tự cảm thấy bản thân mình là một người phụ nữ đầy mâu thuẫn. Bà tự giằng xé giữa hai con đường "đắc nhân tâm" và "thất nhân tâm": "Quyết lấy một bề? Chọn lựa giữa lương tâm và tội ác! Lương tâm và tội ác... Được ngôi báu thì thất nhân tâm! Đắc nhân tâm thì mất ngôi báu [...]. Nguyễn Trãi! Giết Người hay để Người sống, đời sau sẽ nguyên rửa ta, nguyên rửa Thái hậu Nguyễn Thị Anh này! Và cảm thương, kính yêu, ca ngợi Người, mãi mãi ngàn thu sau" (Hoàng Hữu Đản, 2007: 115). Chính phương thức miêu tả nhân vật ở những khía cạnh khác nhau đã thể

hiện được tất cả những nỗi day dứt trong lòng người đàn bà tham quyền và độc ác, dù nhận thức được âm mưu của mình là "thất nhân tâm" nhưng vì quyền lực, vì ngôi báu, và đặc biệt là tình yêu thương vô bờ bến đến mức mù quáng dành cho con trai mình mà bà đã chấp nhận làm tất cả và chịu sự nguyên rửa của người đời. Để rồi kết thúc vở kịch, Nguyễn Thị Anh cũng bàng hoàng nhận ra một chân lý bất tử: "Úc Trai! Úc Trai! Người đã thắng, người đã thắng!... Người đã thắng! Người là Nhân Nghĩa! Nhân Nghĩa mãi mãi thắng hung tàn bạo ngược! Nhân Nghĩa mãi mãi trong ngàn" (Hoàng Hữu Đản, 2007: 135).

Chính những giằng xé trong nội tâm nhân vật đã cho người đọc thấy được bi kịch của một người phụ nữ đầy quyền lực. Đây không phải là bi kịch của một người thất bại sau bao âm mưu tranh giành, thậm chí hãm hại trung thần mà là bi kịch của lương tâm bị cắn rứt vì những tội ác mà bà đã gây ra. Nhận định về nhân vật Nguyễn Thị Anh, tất cả sử sách cũng như các cuốn dã sử đều coi bà như một con người âm mưu, ham quyền lực, là người đã gián tiếp gây ra thảm án Lệ Chi viên, nhưng trong tác phẩm của Hoàng Hữu Đản, nhân vật Nguyễn Thị Anh đã được khai thác rõ hơn về những nỗi day dứt, đau khổ mà bà đã chịu đựng để đạt được mục đích. Tác giả không chỉ nói được những điều đó mà còn để nhân vật của mình có cơ hội được giải bày, được nói cho hết những uẩn khúc xung quanh những

hành động tội lỗi của mình.

Có thể nói, xây dựng nhân vật bằng tư duy đối thoại là phương thức được các nhà soạn kịch rất coi trọng và thể hiện nhiều trong các tác phẩm của mình. Cũng như trong tiểu thuyết lịch sử, trong các tác phẩm kịch chúng ta không khó có thể bắt gặp một nhân vật lịch sử tưởng chừng như đã được đóng khung trong các trang chính sử lại hiện lên một cách sâu sắc và đa chiều, thậm chí là đi ngược lại với những điều mà người đọc thế hệ sau đã từng biết về họ. Những nhân vật thường gây tranh luận trong lịch sử như Trần Thủ Độ, Trần Thị Dung, Dương Vân Nga, Phan Thanh Giản, Nguyễn Thị Anh... một lần nữa được khai thác, tái hiện không chỉ ở góc độ của một chính trị gia, mà hơn hết, họ một con người trong cuộc sống đời thường với những suy nghĩ của một người làm cha, làm mẹ, làm chồng, làm vợ.

4. KẾT LUẬN

Lịch sử phong kiến và lịch sử chiến tranh cách mạng đã được thể hiện rất rõ nét qua các tác phẩm kịch lịch sử mà chúng ta đang nói đến. Đặc điểm nhân vật trong các tác phẩm kịch cũng được chi phối bởi chính chủ đề mà các tác phẩm đó hướng tới. Chính vì lẽ đó, hai hướng xây dựng nhân vật được thể hiện rất rõ: nhân vật điển hình, nhất quán và nhân vật mang tính đối thoại, đa chiều. Ở mỗi đặc điểm, nhân vật của kịch được thể hiện khác nhau nhưng đều đạt tới thành công, làm nổi rõ chủ đề cũng như tư tưởng sáng tác của các tác gia kịch bản. Với xu hướng khai thác chủ đề lịch sử và đặc điểm nhân vật của kịch như vậy, sự kiện cũng như yếu tố xung đột, ngôn ngữ kịch cũng được chi phối để phù hợp với mỗi tác phẩm. Chính điều này vừa làm nên sự khác biệt giữa các tác phẩm, vừa làm nên sự thống nhất của các yếu tố trong cùng một tác phẩm. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Hoàng Hữu Đản. 2007. *Bí mật Vườn Lệ Chi*. Hà Nội: Nxb. Văn học.
2. Lý Hoàn Thực Trâm. 2009. *Văn học kịch Việt Nam với đề tài lịch sử*. Khoa Văn học và Ngôn ngữ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TPHCM. <http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/ngghien-cuu/van-hoc-viet-nam/266-vn-hc-kch-vit-nam-vi-tai-lch-s.html>, truy cập ngày 27/2/2009.
3. Nhiều tác giả. 2000. *Nguyễn Đình Thi - về tác giả và tác phẩm*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
4. Phan Cự Đệ - Hà Minh Đức (chủ biên). 1979. *Nhà văn Việt Nam (1945 - 1975)*, tập 1. Hà Nội: Nxb. Đại học và Trung học Chuyên nghiệp.
5. Phan Cự Đệ (chủ biên). 2004. *Văn học Việt Nam thế kỷ XX*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
6. Việt Quỳnh (ghi). *Có thể sáng tạo nhân vật lịch sử đến đâu*. <https://www.thethaovanhoa.vn/buixuanphai/details/c133n20081027030313671/co-the-sang-cao-nhan-vat-lich-su-den-dau.htm#>, truy cập ngày 22/4/2018.